TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **170**/2026/QĐST - HNGĐ	

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 167/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn*:* **Huỳnh Võ Thị Du U, s**inh năm 1978;

Căn cước công dân số: 054178011146. Cấp ngày 28/6/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã S, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Trịnh Bình T – Luật sư - Văn phòng L. Địa chỉ: G N, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn*:* **Nguyễn Bá T1, s**inh năm 1976;

Căn cước công dân số: 054076008430. Cấp ngày 12/01/2022. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn T, xã S, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Lý Mạnh D – Luật sư - Công ty L1. Địa chỉ: B D, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Nguyễn D1, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Thôn P, phường P, tỉnh Đắk Lắk.

+ Huỳnh Quang D2, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk.

+ Nguyễn Thị H, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Thôn T, xã S, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn Huỳnh Võ Thị Du U và bị đơn Nguyễn Bá T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Phi H1, sinh ngày 16/01/2011 và Nguyễn Phi N, sinh ngày 21/6/2012 cho nguyên đơn Huỳnh Võ Thị Du U trực tiếp nuôi dưỡng.

Bị đơn Nguyễn Bá T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản: Giao cho 02 con chung Nguyễn Phi H1, sinh ngày 16/01/2011 và Nguyễn Phi N, sinh năm 21/6/2012 được quyền sở hữu tài sản chung của nguyên đơn Huỳnh Võ Thị Du U và bị đơn Nguyễn Bá T1 cụ thể: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1090, tờ bản đồ 33 (đo dạc năm 2014), diện tích 500 m^2, loại đất: đất trồng cây hàng năm khác. Có giới cận phía Nam giáp thửa 1091, phía Bắc giáp thửa 146, phía Tây giáp thửa 172, phía Đông giáp đường đi. Địa chỉ thửa đất thuộc thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên (Nay là thôn L, xã S, tỉnh Đắk Lắk) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 918357, số vào sổ CS 04015, ngày 07/8/2019 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh P (cũ) đứng tên Nguyễn Bá T1, vị trí thửa đất tương ứng với ghi chú S1 thể hiện trên bản vẽ mặt bằng hiện trạng đất do chi nhánh công ty trách nhiệm hữu hạn T2 thực hiện. Khi 02 con chung Nguyễn Phi H1 và Nguyễn Phi N đủ 18 (*Mười tám*) tuổi thì được quyền làm thủ tục sang tên. Tạm giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 918357, số vào sổ CS 04015, ngày 07/8/2019 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh P (cũ) đứng tên Nguyễn Bá T1 bản gốc cho bà Huỳnh Võ Thị Du U cất giữ, đến khi 02 con chung Nguyễn Phi H1 và Nguyễn Phi N đủ 18 tuổi thì bà Huỳnh Võ Thị Du U có trách nhiệm giao lại cho 02 con Nguyễn Phi H1 và Nguyễn Phi N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 918357, số vào sổ CS 04015, ngày 07/8/2019 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh P (cũ) đứng tên Nguyễn Bá T1 bản gốc.Tạm giao cho nguyên đơn bà Huỳnh Võ Thị Du U được quyền quản lý, sử dụng để thu hoa lợi trên thửa đất nói trên để nuôi 02 con chung Nguyễn Phi H1 và Nguyễn Phi N.

2.3. Về án phí: Nguyên đơn Huỳnh Võ Thị Du U phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn, được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002133 ngày 13/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 13 – Đắk Lắk, nên hoàn lại cho nguyên đơn Huỳnh Võ Thị Du U 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng đủ chi phí 13.500.000đ nên bị đơn Nguyễn Bá T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn 6.750.000đ (Bị đơn Nguyễn Bá T1 đã hoàn trả đủ cho nguyên đơn Huỳnh Võ Thị Du U).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 13 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 13 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- UBND xã Sơn Thành;
(Giấy CNKH số 10/2010)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Thúy